

Số: 21 /2020/NQ-HĐND

Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: 35
	Ngày: 07/12
	Chuyên:

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ KHÓA VII, KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 ngày 12 tháng 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến 2025;

Xét Tờ trình số 8945/TTr-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Bãi bỏ điểm a, khoản 2, khoản 6 Điều 12 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Các nội dung khác đã được quy định trước đây không trái với Điều 1 Nghị quyết này vẫn tiếp tục triển khai thực hiện.



Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

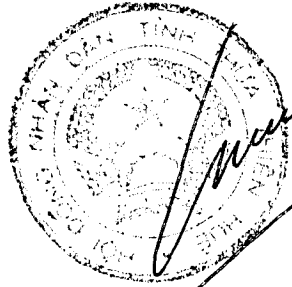
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VII, Kỳ họp chuyên đề lần thứ 13 thông qua ngày 23 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 04 tháng 01 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: KH&CN, TC, KH&ĐT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã và tp Huế;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VP: Lãnh đạo và các cv;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Trường Lưu

QUY ĐỊNH

Nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, nhằm triển khai thực hiện Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.

2. Đối tượng áp dụng

a) Nghị quyết này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, thực hiện các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được hỗ trợ quy định tại Mục II Điều 1 Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức, nhóm cá nhân, cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo.

Chương II

NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 2. Nội dung và mức chi

1. Nội dung và mức chi để tổ chức sự kiện ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

a) Chi hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện: Mức hỗ trợ tối đa không quá 7.000.000 đồng/1 đơn vị tham gia;

b) Chi tiếp các đoàn và khách mời quốc tế; tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế trong thời gian tổ chức sự kiện theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND); Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế

độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND).

c) Tổ chức cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh

- Nội dung và mức chi: Thực hiện theo nội dung và mức chi áp dụng đối với hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật quy định tại Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi đối với các Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, riêng chi giải thưởng cho các tổ chức, nhóm cá nhân, cá nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa có ý tưởng, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đạt giải thưởng cuộc thi theo các mức sau: giải nhất 30.000.000 đồng/giải; giải nhì 20.000.000 đồng/giải; giải ba 15.000.000 đồng/giải, 03 giải khuyến khích, mỗi giải 5.000.000 đồng/giải.

Số lượng các giải thưởng thực hiện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về Thể lệ cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nội dung và mức chi để phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

a) Chi hỗ trợ kinh phí mua bản quyền chương trình đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp, chuyên gia, phổ biến giáo trình khởi nghiệp đã được nghiên cứu, thử nghiệm thành công trong nước, quốc tế cho một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh:

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện;

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí trên cơ sở khả năng thu của đơn vị, tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện;

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập và doanh nghiệp: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 35% tổng dự toán kinh phí thực hiện.

b) Chi hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia trong nước, quốc tế để triển khai các khóa đào tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đào tạo huấn luyện viên khởi nghiệp, nhà đầu tư khởi nghiệp tại một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh:

- Đối với chuyên gia trong nước: Mức chi thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc, tối đa không quá 10.000.000 đồng/chuyên gia/khóa đào tạo. Trong trường hợp cần thiết phải tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu, dài ngày (từ 30 ngày trở lên), mức chi thuê chuyên gia tối đa không quá 30.000.000 đồng/chuyên gia/khóa đào tạo;

- Đối với chuyên gia nước ngoài: Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia nước ngoài tối đa không quá 35% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

3. Nội dung và mức chi để phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Chi hỗ trợ kinh phí đối với nhiệm vụ tư vấn thành lập cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thành lập cơ sở và

đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ: Tối đa không quá 60.000.000 đồng/nhiệm vụ/doanh nghiệp, cá nhân hoặc nhóm cá nhân.

4. Nội dung và mức chi đối với hoạt động kết nối mạng lưới khởi nghiệp

a) Chi hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo để kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, đầu tư mạo hiểm ở trong nước, với khu vực và thế giới: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND; Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND (áp dụng đối với hội nghị, hội thảo có tính chất quốc tế theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt), trong đó:

- Đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao nhiệm vụ;

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí trên cơ sở khả năng thu của đơn vị (tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao nhiệm vụ);

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập và doanh nghiệp: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 35% kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao nhiệm vụ.

b) Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, sự kiện khởi nghiệp, kết nối với các chuyên gia khởi nghiệp trong khu vực và trên thế giới, đối với chuyên gia trong nước: Mức chi thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc, tối đa không quá 7.000.000 đồng/chuyên gia/chương trình.

5. Nội dung và mức chi hỗ trợ đối với doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

a) Chi hỗ trợ kinh phí sử dụng dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (gồm: đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác, thông tin công nghệ, sáng chế; thanh toán, tài chính; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ, tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ): Mức kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 60.000.000 đồng/ doanh nghiệp, cá nhân hoặc nhóm cá nhân.

b) Hỗ trợ tối đa 35% kinh phí cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ: Tối đa không quá 10 doanh nghiệp/năm.

6. Hỗ trợ văn phòng làm việc cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức, nhóm cá nhân, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo.

a) Nội dung hỗ trợ:

Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức, nhóm cá nhân, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ chi phí thuê văn phòng làm việc tại các Khu làm việc chung trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết các tiêu chí mà khu làm việc chung phải đáp ứng để được hỗ trợ tiêu chí, điều kiện được hỗ trợ.

b) Định mức hỗ trợ:

- Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa: Hỗ trợ 50% chi phí thuê văn phòng làm việc tại các Khu làm việc chung trong thời hạn 12 tháng liên tục, nhưng tối đa không quá 03 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp.

- Đối với tổ chức, nhóm cá nhân, cá nhân:

+ Hỗ trợ 50% chi phí thuê văn phòng làm việc tại các Khu làm việc chung trong thời hạn 12 tháng liên tục, nhưng tối đa không quá 02 triệu đồng/tháng/tổ chức hoặc nhóm cá nhân.

+ Hỗ trợ 50% chi phí thuê văn phòng làm việc tại các Khu làm việc chung trong thời hạn 12 tháng liên tục, nhưng tối đa không quá 01 triệu đồng/tháng/cá nhân.

7. Đối với các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” và các văn bản pháp luật của tỉnh có liên quan.

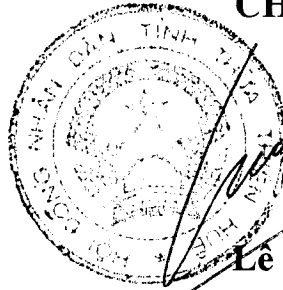
Điều 3: Kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ được Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện.

2. Nguồn vốn của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh để tài trợ, hỗ trợ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định.

3. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

CHỦ TỊCH



Lê Trường Lưu